

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H,**  
**TỈNH B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị M M.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Đặng Văn M;

2/ Ông Nguyễn Thanh S.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Văn T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh H – Sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh B.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích T – Sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Hàm Th, tỉnh Bình Th.

Đương sự có mặt: Ông H; Đương sự vắng mặt: Bà T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2021, bản khai của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H khai:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bích T cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H. Việc cưới nhau là do hai bên tự tìm hiểu trong thời gian 01 năm. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình ông tại xã H, huyện H. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ có người đàn ông khác ở bên ngoài, không quan tâm đến ông và con nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông đã tha thứ cho vợ nhưng vợ vẫn chứng nào tật ấy. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2021 cho đến nay. Từ khi vợ bỏ nhà đi thì vợ chồng không liên

lạc với nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của ông là yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Ngọc Ánh D – sinh ngày 15/6/2019. Từ khi vợ bỏ nhà đi đến nay ông là người nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì ông đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài ra, do bà Nguyễn Thị Bích T vắng mặt nên ông yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị Bích T cưới nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày số 160, ngày 25/12/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Ông H cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T có người đàn ông khác ở bên ngoài, không quan tâm gì đến ông và con. Vợ chồng ông không còn sống chung với nhau từ khoảng

tháng 7/2021 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng của bà là yêu cầu xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Bích T nhưng bà T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T thực tế đã xảy ra mâu thuẫn T trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy, yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Thanh H là có căn cứ nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Vợ chồng ông, bà có 01 con tên Nguyễn Ngọc Ánh D – sinh ngày 15/6/2019. Từ khi bà T bỏ đi tháng 7/2021 đến nay ông là người nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con vì ông đủ điều kiện nuôi con.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, ông H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con tên Nguyễn Ngọc Ánh D, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Con tên Nguyễn Ngọc Ánh D, từ khi bà T bỏ nhà đi cho đến nay đều do ông H chăm sóc, giáo dục, bà T không đến Tòa để nêu ý kiến của bà. Vì vậy, giao con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh D cho ông H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bà Nguyễn Thị Bích T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Khoản 4 Điều 91, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 146, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

Ông Nguyễn Thanh H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích T.

2. *Về con chung:*

Ông Nguyễn Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh D – sinh ngày 15/6/2019.

Ông Nguyễn Thanh H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:*

Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông Nguyễn Thanh H đã nộp đủ 300.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001978 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh B nên không nộp nữa.

Bà Nguyễn Thị Bích T không chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo :*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/5/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- **UBND nơi đăng ký kết hôn;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị M M**